HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG PHẠM SƯ MẠNH

Biểu mẫu số 52
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Phạm Sư Mạnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So Sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (không tính chi bổ sung có mục tiêu cho NS cấp dưới và chi trả nợ gốc tiền vay	**168,231,798,373**	**170,224,139,515**	**170,224,139,515**	
A	**CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**				
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC**	**168,231,798,373**	**163,492,665,615**	**163,492,665,615**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**16,448,894,574**	**16,448,894,574**	**16,448,894,574**	
1	Chi đầu tư cho các dự án		16,448,894,574	16,448,894,574	
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội		538,319,000	538,319,000	
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		5,005,751,600	5,005,751,600	
-	Chi khoa học, công nghệ				
-	Chi y tế, dân số và gia đình		427,800,000	427,800,000	
-	Chi văn hoá thông tin		4,113,064,000	4,113,064,000	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường		283,490,974	283,490,974	
-	Chi các hoạt động kinh tế		992,736,000	992,736,000	
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		4,938,247,000	4,938,247,000	
-	Chi bảo đảm xã hội		149,486,000	149,486,000	
-	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; Các tổ chức kinh tế; Các tổ chức tài chính của trung ương và địa phương				
3	Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật				
II	**Chi thường xuyên theo lĩnh vực**	**149,335,903,799**	**147,043,771,041**	**147,043,771,041**	
-	Chi quốc phòng	1,109,000,000	1,186,620,142	1,186,620,142	
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1,358,000,000	1,179,261,202	1,179,261,202	
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	73,896,267,600	74,752,367,842	74,752,367,842	
-	Chi khoa học, công nghệ				
-	Chi y tế, dân số và gia đình	172,000,000	89,432,900	89,432,900	
-	Chi văn hoá thông tin	348,464,000	541,032,565	541,032,565	
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	269,000,000	263,578,134	263,578,134	
-	Chi thể dục thể thao	178,000,000	175,767,804	175,767,804	
-	Chi bảo vệ môi trường	119,000,000	118,995,000	118,995,000	
-	Chi các hoạt động kinh tế	5,520,310,754	3,040,034,578	3,040,034,578	
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	54,381,646,820	51,702,262,257	51,702,262,257	
-	Chi đảm bảo xã hội	11,937,214,625	13,994,418,617	13,994,418,617	
-	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	47,000,000			
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**				
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**				
V	**Dự phòng NSNN**	**2,447,000,000**			
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**				
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN**		**6,593,935,478**	**6,593,935,478**	
D	**Chi nộp ngân sách cấp trên**		**137,538,422**	**137,538,422**	